



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

**BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO VÀ CẢNH BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT
LƯU VỰC SÔNG GIANH
MÙA MƯA NĂM 2025**

HÀ NỘI, THÁNG 9/2025

Chịu trách nhiệm nội dung: Trung tâm Cảnh báo và Dự báo tài nguyên nước
Địa chỉ: số 93/95 Vũ Xuân Thiều, Phúc Lợi, Hà Nội; ĐT: 024 32665006; Fax: 02437560034
Website: cewafo.gov.vn; Email: vt_ttcdbttn@mae.gov.vn

MỤC LỤC

I. LỜI GIỚI THIỆU	3
II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC.....	5
2.1. Thông báo tình hình tài nguyên nước dưới đất.....	5
2.1.1. Mực nước	5
2.1.2. Chất lượng nước.....	8
2.2. Dự báo tài nguyên nước dưới đất.....	11
2.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocene (qh).....	11
2.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene (qp).....	12
2.3. Cảnh báo tài nguyên nước dưới đất	13
III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....	13
PHỤ LỤC	14

I. LỜI GIỚI THIỆU

Bản tin thông báo, dự báo và cảnh báo tài nguyên nước dưới đất trên lưu vực sông Gianh được biên soạn 1 năm 2 lần vào mùa mưa và mùa khô nhằm cung cấp các thông tin về mực nước, chất lượng nước dưới đất để phục vụ công tác quản lý Nhà nước về quy hoạch và quản lý tài nguyên nước trên phạm vi lưu vực.

Lưu vực sông Gianh - Nhật Lệ gồm 2 lưu vực sông Gianh và Nhật Lệ chảy qua địa phận tỉnh Quảng Trị (tỉnh Quảng Bình cũ). Trong đó, sông lớn nhất là sông Gianh diện tích lưu vực 4.680km²; sông Nhật Lệ có 2.650km² diện tích lưu vực; cả 2 lưu vực sông này chiếm 92% tổng diện tích toàn tỉnh (trong đó sông Gianh chiếm 58,6%, sông Nhật Lệ chiếm 33,2%). Mùa khô trên lưu vực sông Gianh bắt đầu từ tháng 1 đến tháng 8, mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12. Lưu vực sông bao gồm 2 tầng chứa nước chính là tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh) và tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp). Tổng tài nguyên nước dự báo cho các tầng chứa nước: tầng chứa nước Holocen (qh) là 643.460 m³/ngày và tầng chứa nước Pleistocen (qp) là 220.470 m³/ngày.

Nội dung chính của bản tin mùa mưa bao gồm: Thông báo mực nước, chất lượng nước mùa khô năm 2025 và dự báo mực nước dưới đất mùa mưa tại các tầng chứa nước chính, đưa ra những cảnh báo về tài nguyên nước như mực nước, chất lượng nước mùa khô trong phạm vi 19 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất được Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước xây dựng và đưa vào vận hành.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về: Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: Số 10 ngõ 42 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội.

Email: dttnnddat@mae.gov.vn

Bản tin được đăng tải tại Website: nawapi.gov.vn; cewafogov.vn

Trong mùa khô năm 2025 mực nước dưới đất trung bình so với cùng kỳ năm trước có xu thế dâng tại tầng chứa nước qh và qp, chất lượng nước tốt và ít biến động trong các tầng chứa nước.

Dự báo mực nước dưới đất mùa mưa năm 2025 so với mực nước quan trắc năm 2024 có xu thế dâng tại tầng chứa nước qh và qp.

Các công trình thuộc lưu vực sông thời điểm hiện tại không có công trình nào có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo. Tuy nhiên có một số công trình có độ mặn, hàm lượng Mn và NH₄ vượt quá GTGH so với QCVN 09:2023/BTNMT, đề nghị các cơ quan đưa ra cảnh báo cho người dân và tiếp tục theo dõi thêm.

Chi tiết xem nội dung bản tin./.

II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC

2.1. Thông báo tình hình tài nguyên nước dưới đất

2.1.1. Mục nước

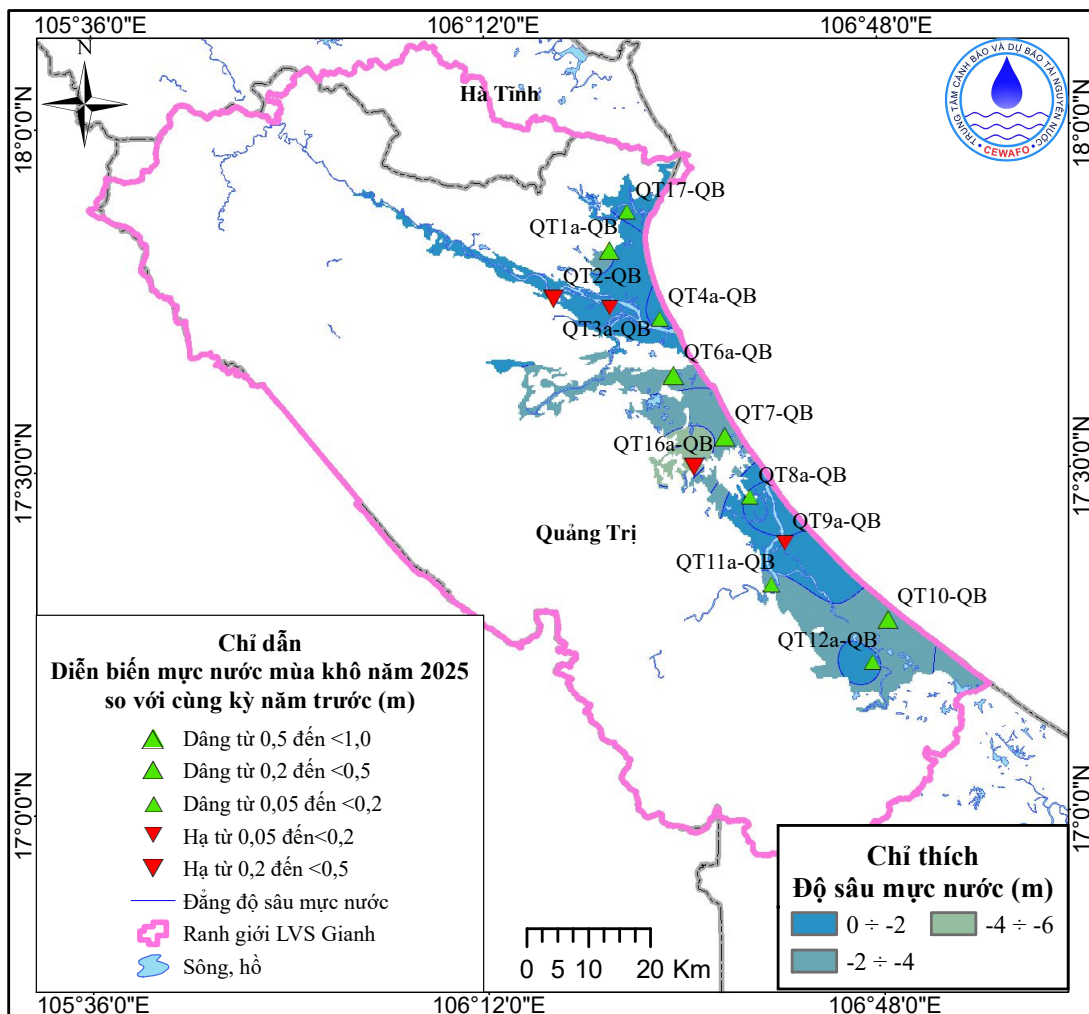
2.1.1.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocene (qh)

Trong mùa khô từ tháng 01 đến tháng 8/2025: Mục nước trung bình tháng nông nhất là -0,76m tại xã Hoà Trạch (QT17-QB) và sâu nhất là -4,16m tại xã Nam Trạch (QT16a-QB).

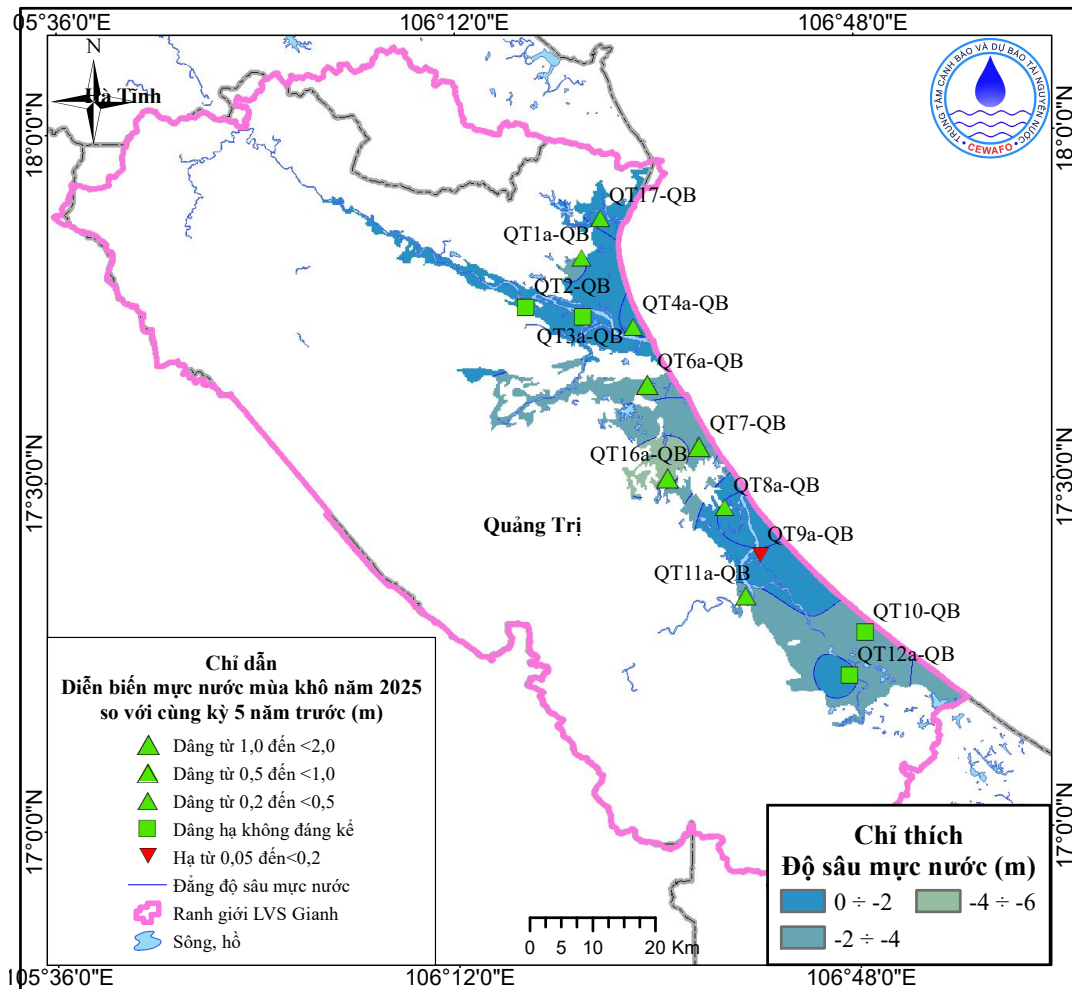
Diễn biến mục nước dưới đất trung bình mùa khô so với cùng thời điểm 1 năm, 5 năm trước cho thấy mục nước suy giảm lớn nhất lần lượt là 0,48m và 0,08m tại xã Nam Trạch và xã Quảng Ninh. Chi tiết được thể hiện trong bảng và hình sau.

Bảng 1. Giá trị dâng, hạ mục nước cực trị qua các thời kỳ

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2024)	Dâng	0,48	xã Nam Trạch (QT16a-QB)	0,65	xã Đông Trạch (QT6a-QB)
5 năm trước (2020)	Dâng	0,08	xã Quảng Ninh (QT9a-QB)	1,53	xã Đông Trạch (QT6a-QB)



Hình 1. Sơ đồ diễn biến mục nước mùa khô năm 2025 so với cùng kỳ năm trước



Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước mùa khô năm 2025 so với cùng kỳ 5 năm trước

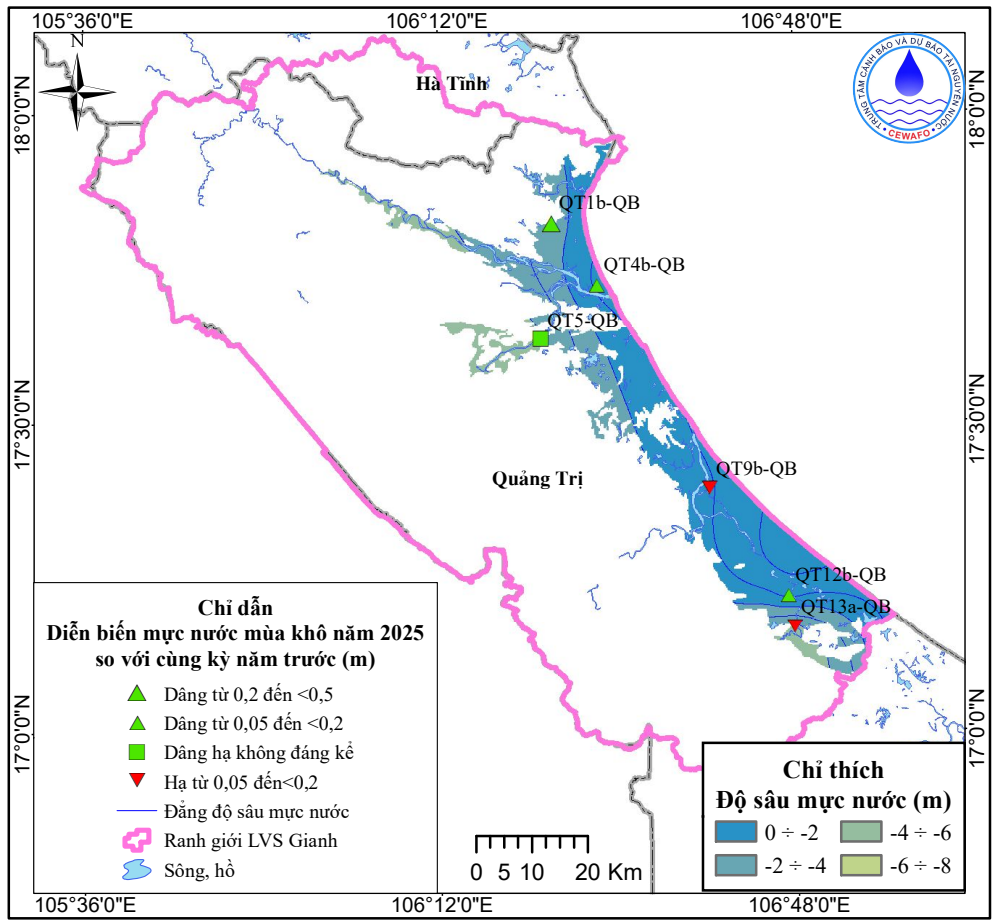
2.1.1.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene (qp)

Trong mùa khô từ tháng 01 đến tháng 8/2025: Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,85m tại phường Bắc Gianh (QT4b-QB) và sâu nhất là -4,21m tại xã Trường Phú (QT13a-QB).

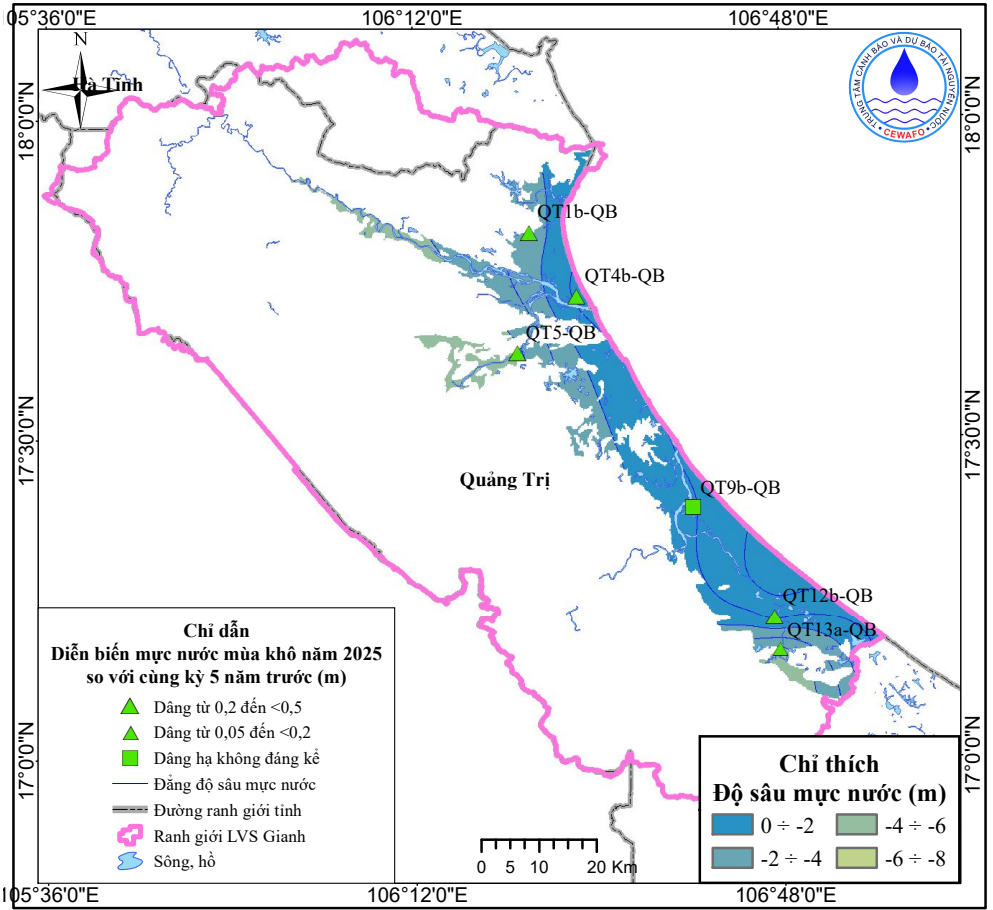
Diễn biến mực nước dưới đất trung bình mùa khô so với cùng thời điểm 1 năm, 5 năm trước cho thấy mực nước suy giảm lớn nhất lần lượt là 0,17m và 0,01m tại xã Trường Phú và xã Quảng Ninh. Chi tiết được thể hiện trong bảng và hình sau.

Bảng 2. Giá trị dâng, hạ mực nước cực trị qua các thời kỳ

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2024)	Dâng	0,17	xã Trường Phú (QT13a-QB)	0,43	xã Trung Thuận (QT1b-QB)
5 năm trước (2020)	Dâng	0,01	xã Quảng Ninh (QT9b-QB)	0,47	xã Lê Thủy (QT12b-QB)



Hình 3. Sơ đồ diễn biến mực nước mùa khô năm 2025 so với cùng kỳ năm trước



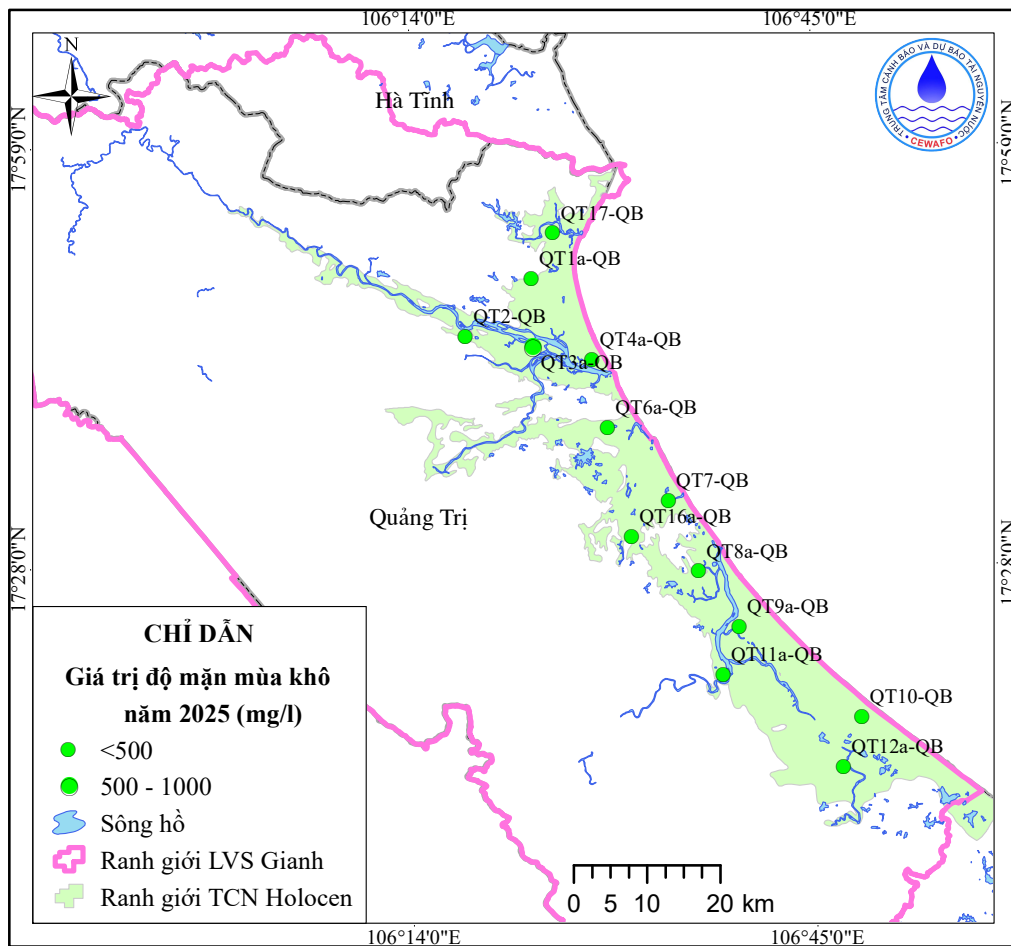
Hình 4. Sơ đồ diễn biến mực nước mùa khô năm 2025 so với cùng kỳ 5 năm trước

2.1.2. Chất lượng nước

2.1.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocene (qh)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2025 tại các công trình quan trắc cho thấy nước trong tầng thuộc nước nhạt, theo QCVN 09:2023/BTNMT đa số các công trình đều có hàm lượng thấp hơn giá trị giới hạn (GTGH).

Chỉ tiêu độ mặn (TDS): Độ mặn của nước tại các công trình quan trắc đều nhỏ hơn GTGH (1.500mg/l).



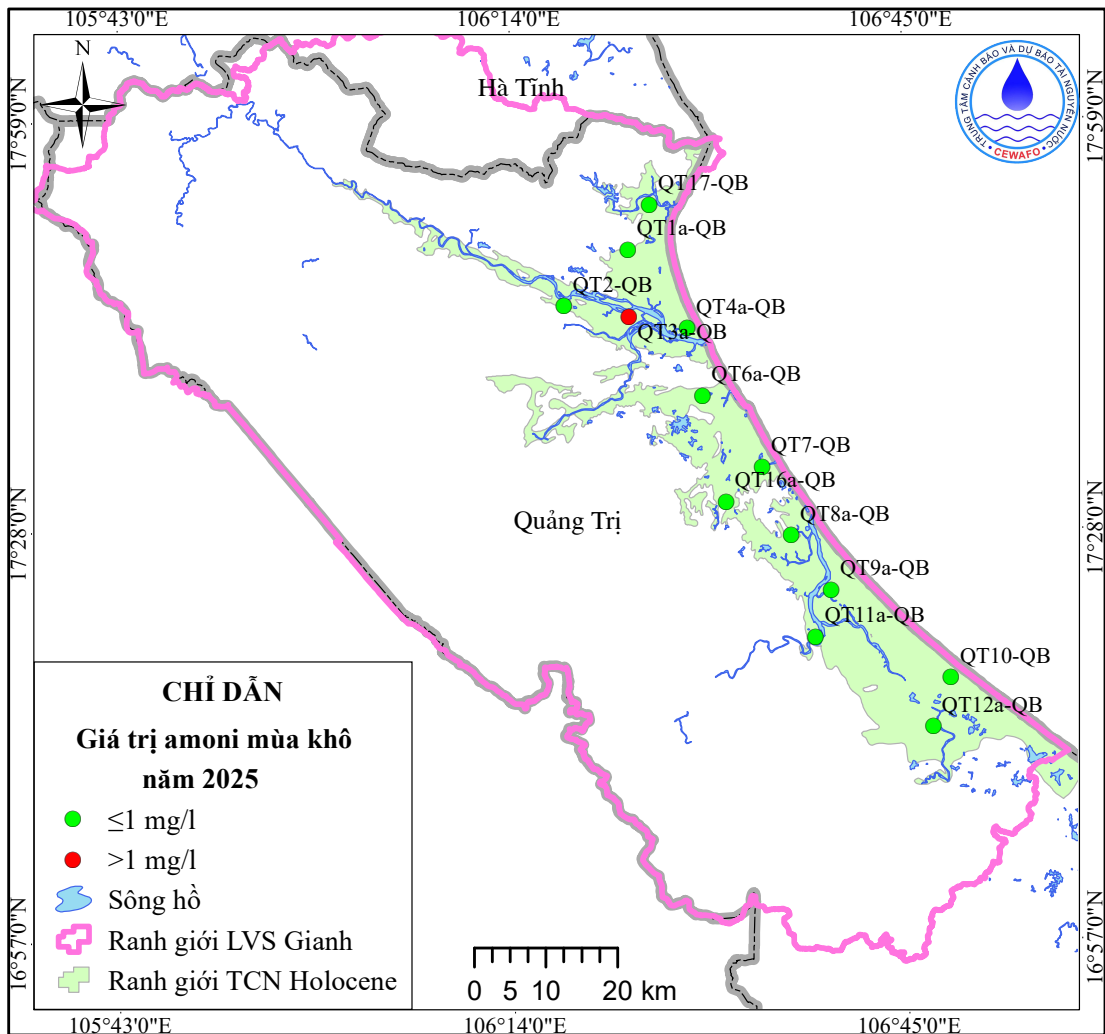
Hình 5. Sơ đồ phân bố giá trị độ mặn mùa khô năm 2025

Các chỉ tiêu vi lượng: Theo kết quả phân tích cho thấy hầu hết các công trình đều có hàm lượng thấp hơn GTGH, tuy nhiên hàm lượng Mangan (Mn) và Chì (Pb) tại một số công trình vượt GTGH, chi tiết như sau:

- **Hàm lượng Mn** vượt lớn nhất tại công trình QT2-QB (xã Nam Ba Đồn) với giá trị là 6,52mg/l. Công trình khác có hàm lượng Mn vượt GTGH (0,5mg/l) phân bố tại xã Trường Ninh (QT11a-QB);

- **Hàm lượng Pb** vượt GTGH (0,01mg/l) tại công trình QT8a-QB (phường Đồng Hới) với giá trị là 0,02mg/l.

Chỉ tiêu Amoni (NH₄): Theo kết quả phân tích cho thấy có một công trình QT3a-QB (xã Nam Gianh) vượt GTGH (1mg/l) với giá trị là 6,77mg/l.

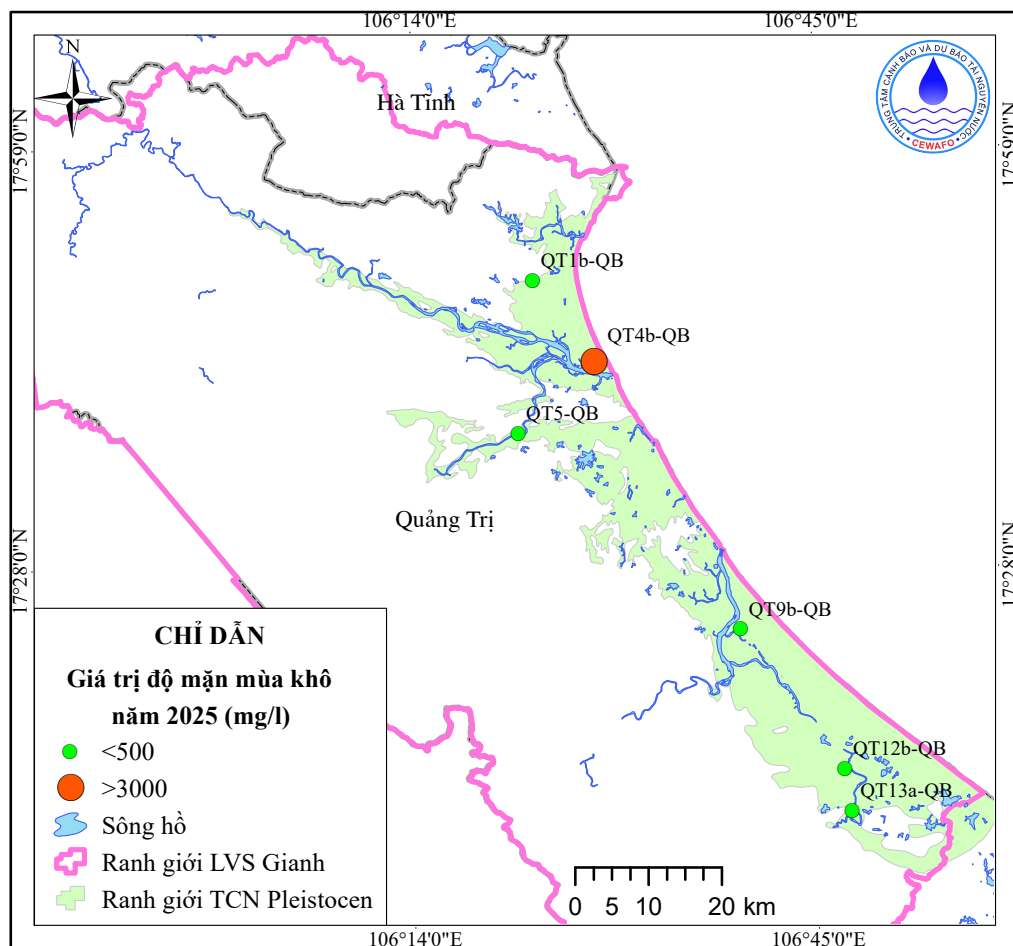


Hình 6. Sơ đồ phân bố giá trị amoni mùa khô năm 2025

2.1.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene (qp)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2025 tại các công trình quan trắc cho thấy nước trong tầng thuộc nước nhạt đến mặn, theo QCVN 09:2023/BTNMT hầu hết các công trình hàm lượng thấp hơn giá trị giới hạn (GTGH).

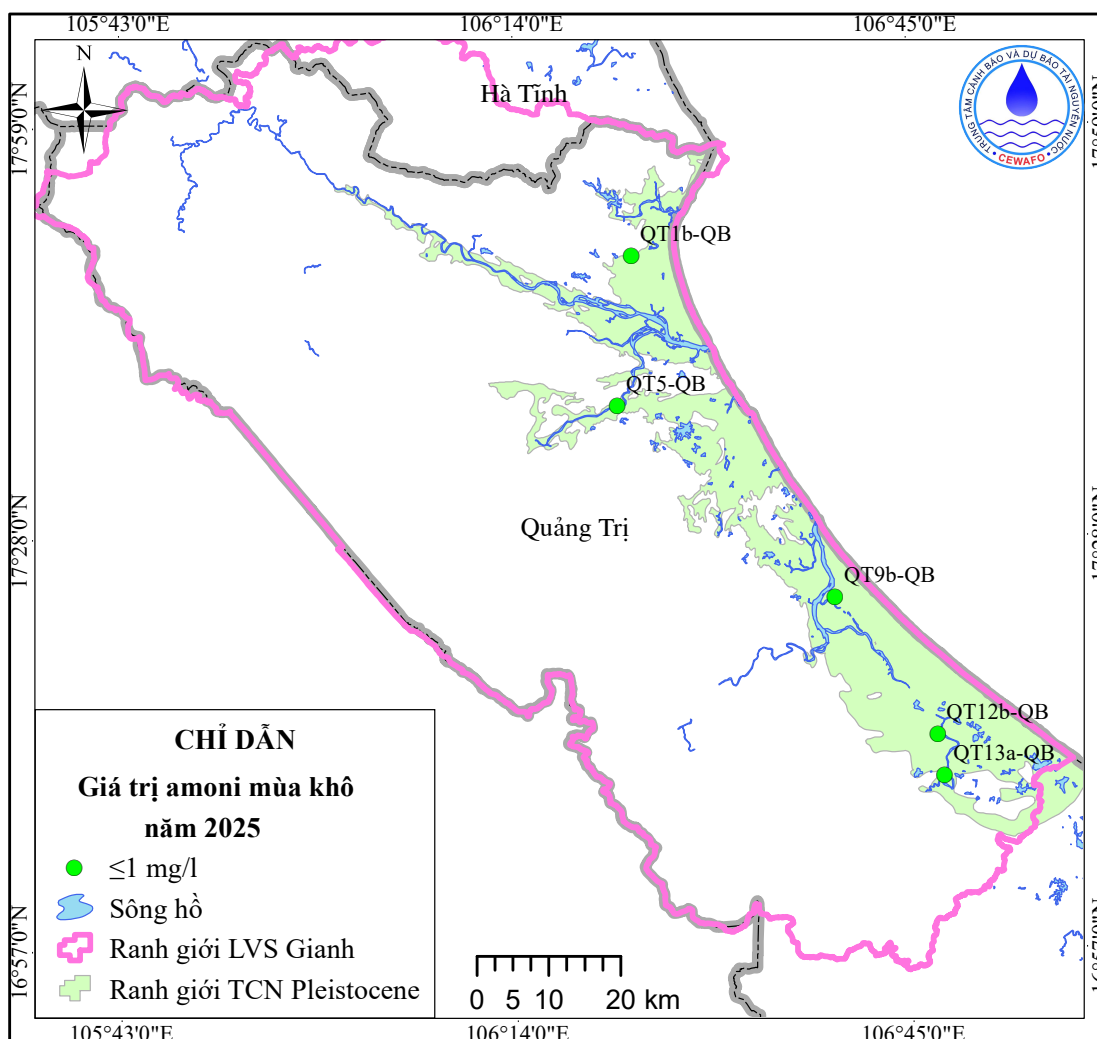
Chỉ tiêu độ mặn (TDS): Độ mặn của nước tại các công trình quan trắc hầu hết đều nhỏ hơn GTGH (1.500mg/l). Có 1 công trình có hàm lượng vượt GTGH phân bố tại phường Bắc Gianh (QT4b-QB) với giá trị là 7.883mg/l.



Hình 7. Sơ đồ phân bố giá trị độ mặn mùa khô năm 2025

Các chỉ tiêu vi lượng: Theo kết quả phân tích cho thấy không có công trình vượt GTGH.

Chỉ tiêu Amoni (NH_4): Theo kết quả phân tích cho thấy không có công trình vượt GTGH (1mg/l).

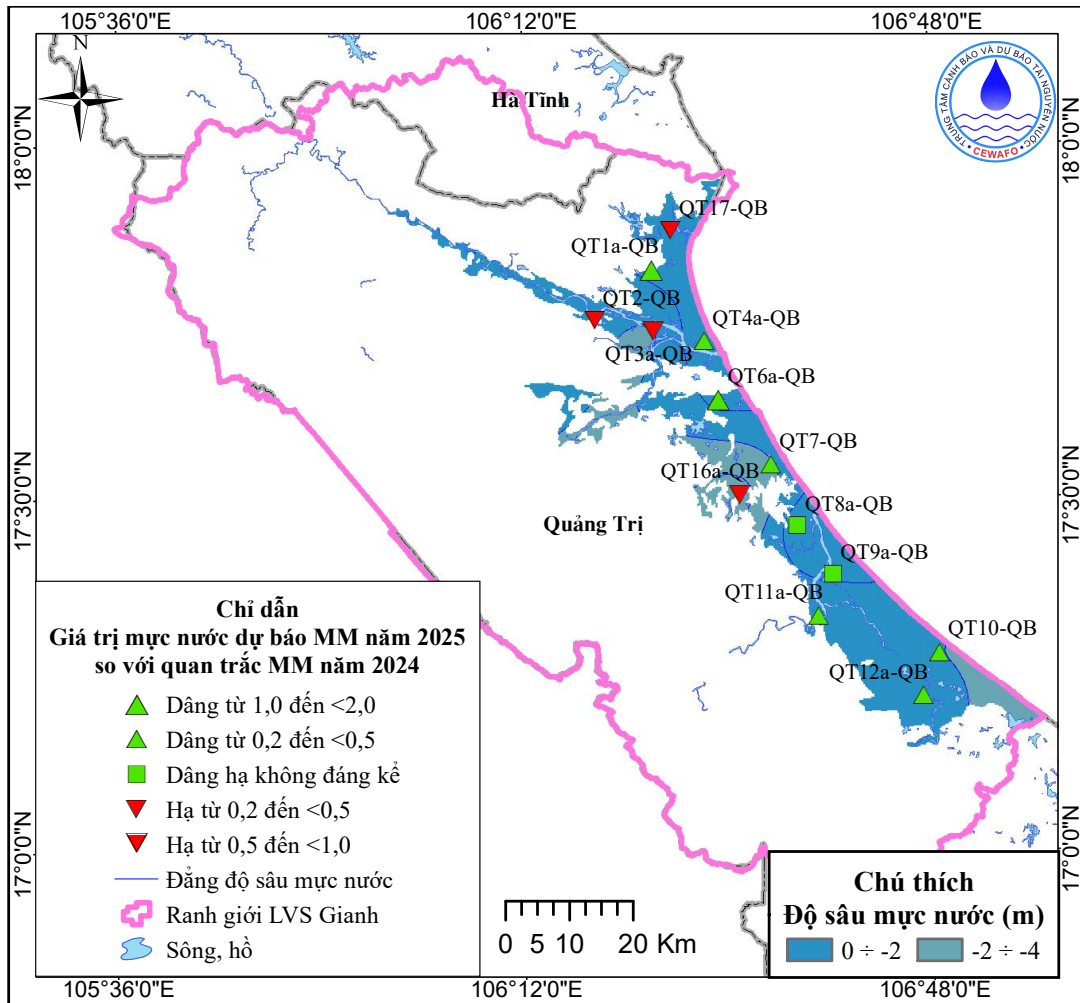


Hình 8. Sơ đồ phân bố giá trị amoni mùa khô năm 2025

2.2. Dự báo tài nguyên nước dưới đất

2.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocene (qh)

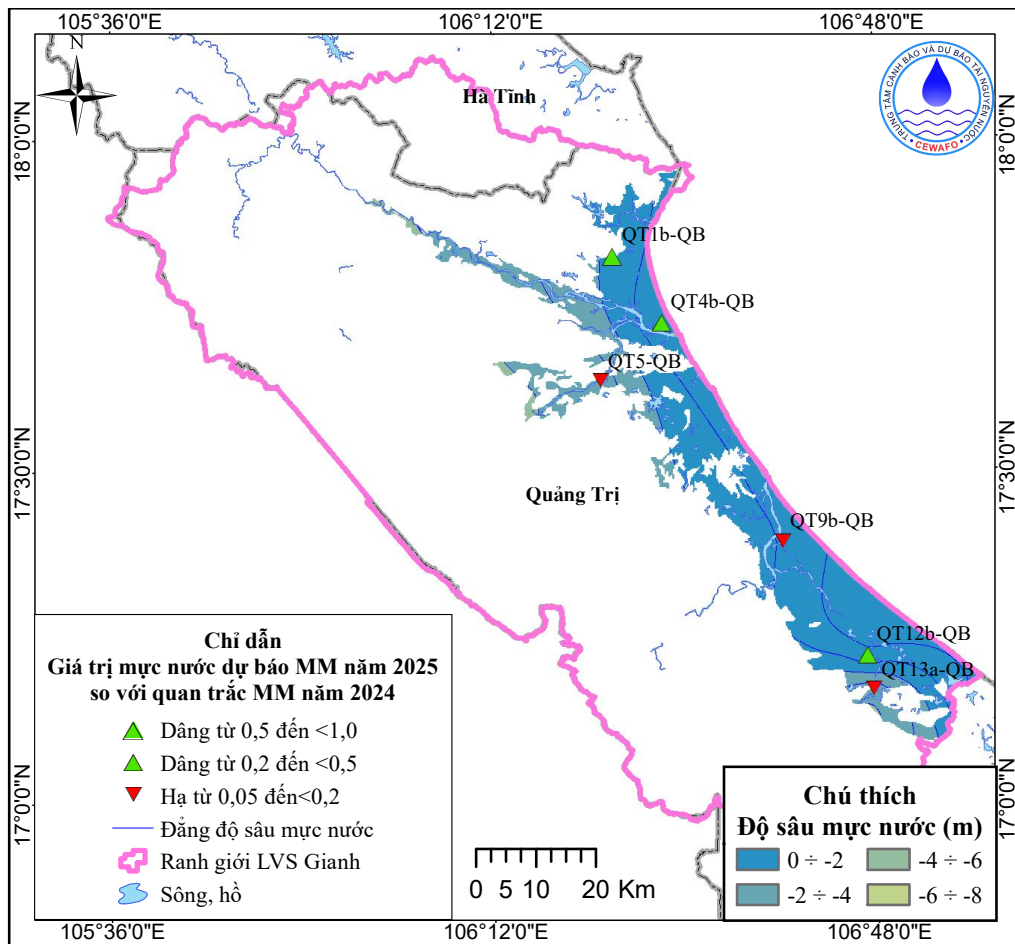
Diễn biến mực nước dưới đất dự báo mùa mưa năm 2025 so với mực nước thực đo cùng kỳ năm 2024 có xu thế dâng, có 7/13 công trình mực nước dâng, 4/13 công trình mực nước hạ và 2/13 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể. Mực nước dâng từ 1 đến 2m tập trung ở xã Đông Trạch. Mực nước hạ từ 0,5 đến 1m tập trung ở xã Nam Gianh, xã Nam Trạch.



Hình 9. Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tầng qh

2.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene (qp)

Diễn biến mực nước dưới đất dự báo mùa mưa năm 2025 so với mực nước thực đo cùng kỳ năm 2024 có xu thế dâng, có 3/6 công trình mực nước hạ, 3/6 công trình mực nước dâng. Mực nước dâng từ 0,5 đến 1m tập trung ở xã Trung Thuần. Mực nước hạ từ 0,05 đến 0,2m tập trung ở xã Bồ Trạch, xã Quảng Ninh, xã Trường Phú.



Hình 10. Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tầng qđ

2.3. Cảnh báo tài nguyên nước dưới đất

Theo Điều 32 của Nghị định 53/2024/NĐ-CP về xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất, trong lưu vực sông Gianh thời điểm hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Hiện tại, trên phạm vi lưu vực sông Gianh chưa có công trình thuộc diện phải cảnh báo, để đảm bảo khai thác ổn định, cần theo dõi chặt chẽ diễn biến mực nước dưới đất trong các tầng chứa nước trong lưu vực sông và các bản tin dự báo tiếp theo để phục vụ quản lý, khai thác hiệu quả nguồn nước dưới đất.

Đa số các thông số chất lượng nước trên lưu vực sông nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 09:2023/BTNMT. Tuy nhiên một số công trình có thông số vượt GTGH, tập trung ở tầng chứa nước Holocen (qh). Các thông số vượt chủ yếu bao gồm độ mặn, Mangan, Chì và Amoni. Một số khu vực đáng chú ý gồm:

+ Tầng qh: Mangan vượt lớn nhất tại xã Nam Ba Đồn (QT2-QB); Chì vượt tại phường Đồng Hới (QT8a-QB); Amoni vượt tại xã Nam Gianh (QT3a-QB).

Đề nghị các cơ quan chức năng ở trung ương và địa phương:

- Rà soát, cập nhật thông tin chất lượng nước tại các khu vực trên;
- Kịp thời ban hành cảnh báo và hướng dẫn người dân sử dụng nước an toàn.

PHỤ LỤC
GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(QCVN 09:2023/BTNMT)

	TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
Thông số cơ bản	1	pH	-	5,8 - 8,5
	2	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	3
	3	Nitrate (NO ₃ ⁻ tính theo Nitơ)	mg/l	15
	4	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo Nitơ)	mg/l	1
	5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1500
	6	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	mg/l	500
	7	Arsenic (As)	mg/l	0,05
	8	Chloride (Cl ⁻)	mg/l	250
Thông số ảnh hưởng sức khỏe con người	9	Nitrite (NO ₂ ⁻ tính theo Nitơ)	mg/l	1
	10	Fluoride (F ⁻)	mg/l	1
	11	Sulfate (SO ₄ ²⁻)	mg/l	400
	12	Cadmi (Cd)	mg/l	0,005
	13	Cyanide (CN ⁻)	mg/l	0,01
	14	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/l	0,001
	15	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/l	0,01
	16	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	0,05
	17	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/l	1
	18	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	3
	19	Nickel (Ni)	mg/l	0,02
	20	Mangan (Mn)	mg/l	0,5
	21	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/l	5
	22	Seleni (Se)	mg/l	0,01
	23	Aldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆)	mg/l	0,0001
	24	Lindane (C ₆ H ₆ Cl ₆)	mg/l	0,00002
	25	Dieldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆ O)	mg/l	0,0001
	26	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis (4-chlorobenzene) (C ₁₄ H ₉ Cl ₅)	mg/l	0,001
	27	Heptachlor & Heptachlorepoxyde (C ₁₀ H ₅ Cl ₇ & C ₁₀ H ₅ Cl ₇ O)	mg/l	0,001
	28	Diazinon (C ₁₂ H ₂₁ N ₂ O ₃ PS)	mg/l	0,02
	29	Parathion (C ₁₀ H ₁₄ NO ₅ PS)	mg/l	0,06
	30	Phenol (C ₆ H ₅ OH)	mg/l	0,001
	31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
	32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1
	33	E. Coli	MPN hoặc CFU/100ml	Không phát hiện